

Lễ ra mắt tác phẩm Fulro

BBT Harak Champaka

Thứ bảy ngày 19 tháng 4 năm 2008, vào lúc 2 giờ chiều, IOC-Champa tổ chức tại hội trường Nhật Báo Viễn Đông (Westminster, Los Angeles, USA) một buổi lễ ra mắt tác phẩm mang tựa đề : *Từ Mặt Trận Giải Phóng Dân Tộc Thượng đến phong trào FULRO: Cuộc đấu tranh của dân tộc thiểu số miền nam Đông Dương (1955-1975)* do Pgs. Ts. Po Dharma (Viễn Đông Học Viện Pháp) thực hiện và do International Office of Champa (IOC-Champa) ấn hành năm 2007. Tác phẩm này là bản chuyển ngữ từ tiếng Pháp mang tựa đề *Du FLM au Fulro. Une lutte des minorités du sud indochinois 1955-1975* do nhà xuất bản Les Indes Savantes ấn hành tại Paris vào năm 2006.

Po Dharma, gốc dân tộc Chăm Phan Rang, là một trong những thành viên Fulro sang Pháp du học vào năm 1972. Tiến sĩ ngành lịch sử học tại Đại Học Sorbonne



(Paris) và đang giữ chức phó giáo sư tại Viễn Đông Học Viện Pháp, Po Dharma là nhà nghiên cứu chuyên về nền văn minh Champa nhất là lịch sử bang giao giữa Champa và Đại Việt qua các thời đại. Ông ta là người đã từng giữ chức vụ quản đốc của Viễn Đông Học Viện Pháp tại Kuala Lumpur gần 12 năm nhằm phát triển chương trình nghiên cứu sự liên hệ văn hóa giữa Champa và thế giới Mã Lai, đã từng lên diễn đàn trong nhiều hội thảo quốc tế và đã xuất

Lễ ra mắt tác phẩm Fulro

bản 15 tác phẩm khoa học về vương quốc Champa, chưa nói đến hơn 40 bài khảo luận đăng rải rác trong các tập san khoa học trên thế giới. Bên cạnh đó, ông ta cũng là tổng biên tập Champaka, một tập san khoa học tiếng Việt chuyên về lịch sử và nền văn minh Champa do International Office of Champa (IOC-Champa) ấn hành.

Buổi lễ ra mắt tác phẩm về lịch sử Fulro không mang màu sắc chính trị và cũng không có ý đồ gây hận thù dân tộc hay khơi dậy lòng ái quốc đòi tự trị độc lập như một số trí thức dân tộc Kinh và Chăm ở hải ngoại đã hiểu lầm, mà là ngày ra mắt sách do IOC-Champa ấn hành, có phần hội thảo tập trung 3 bài thuyết trình, nhằm phân tích một cách trung thực thế nào là hành trình đấu tranh của dân tộc thiểu số ở miền trung Việt Nam trong những năm 1955-1975, được xem như là một biến cố trọng đại đã xảy ra trong không gian lịch sử cận đại ở bán đảo Đông Dương.

Buổi lễ này đã đánh dấu một khúc quanh mới trong mối liên hệ giữa hai dân tộc Champa-Việt sau năm 1955. Từ hai đối tượng thù địch trong suốt chiều dài của lịch sử, dân tộc Chăm và Việt lại trở thành hai dân tộc anh em, chấp nhận ngồi chung bên cạnh nhau trong hội trường của Viễn Đông Nhật Báo tại Hoa Kỳ nhằm nêu ra một cách khách quan và rất là cởi mở những sự kiện đã xảy ra trong bối cảnh xã hội của dân tộc bản địa ở miền trung Việt Nam dưới ba chế độ: đệ nhất Cộng Hòa Việt Nam, đệ nhị Cộng Hòa Việt Nam và Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.

Nội dung của tác phẩm

Từ Mặt Trận Giải Phóng Dân Tộc Thượng đến phong trào FULRO: Cuộc đấu tranh của dân tộc thiểu số miền nam Đông Dương (1955-1975) là tác phẩm khoa học liên quan đến lịch sử cận đại Việt Nam do Pgs. Ts. Po Dharma (Viễn Đông Học Viện Pháp) thực hiện và do International Office

Lễ ra mắt tác phẩm Fulro

of Champa (IOC-Champa) ấn hành, San Jose, 2007, 204 trang + hình ảnh và bản đồ.



Mở đầu của tác phẩm là thay lời tựa của Pierre-Bernard Lafont (Gs. Đại Học Sorbonne, Paris) và phần kết thúc là quan điểm của Ts. Mak Phoeun (Giám đốc nghiên cứu, Trung Tâm Quốc Gia Nghiên Cứu Khoa Học Pháp) liên quan đến mối quan hệ của Campuchia đối với Champa và các dân tộc miền núi ở miền trung Việt Nam.

FULRO, chữ viết tắt của Front Unifié de Lutte des Races Opprimées (Mặt trận Thống Nhất Đấu Tranh Dân Tộc Bị Áp Bức), là một tổ chức liên minh vũ trang có trụ sở đặt tại Nam Vang (Cao Miên), tập trung 3 mặt trận :

- Mặt Trận Giải Phóng Kampuchia Krom (đồng bằng sông Cửu Long)
- Mặt Trận Giải Phóng Kampuchia Nord (khu vực Champasak, Lào)
- Mặt Trận Giải Phóng Cao Nguyên Champa

Trong 3 tổ chức liên minh này, Mặt Trận Giải Phóng Cao Nguyên Champa là một phong trào vũ trang đóng vai trò chủ động trong tổ chức Fulro nhằm đòi lại qui chế Hoàng Triều Cương Thổ mà vua Bảo Đại đã ban hành vào năm 1950 và hình thành khu vực tự trị ở Tây Nguyên dưới lá cờ của Việt Nam Cộng Hòa.

Phong trào Fulro diễn ra vào thời đệ nhị chiến tranh Đông Dương đã từng làm đảo lộn bàn cờ chính trị ở Việt Nam thời đó mà thông tin đại chúng thường nói đến như là một tổ chức huyền thoại li kỳ.

Cũng nhờ tư liệu chính thức của Fulro còn lưu trữ, Pgs. Ts. Po Dharma (Viễn Đông Học Viện Pháp), đã phát

Lẽ ra mắt tác phẩm Fulro

họa lại một bức tranh trung thực về lịch sử đấu tranh của tổ chức này. Qua nội dung của tác phẩm, người ta được biết Mặt Trận Giải Phóng Cao Nguyên Champa-Fulro là một lực lượng hùng mạnh hơn hết đã từng gây bao sóng gió với chính quyền Sài Gòn dưới thời Nguyễn Khánh và Nguyễn Văn Thiệu, lôi kéo theo một số tướng tá có tên tuổi của Việt Nam vào chiến cuộc nhằm giải quyết vấn đề của cuộc vùng dậy này, trong đó phải nhắc đến tướng Vĩnh Lộc, Nguyễn Hữu Cồ, Lê Văn Kim, Tôn Thất Đính, v.v.

Sự vùng dậy này cũng đưa các giới lãnh đạo Hoa Kỳ vào con đường khó xử để cứu vớt tù binh Mỹ trong đó có đại úy Charles Darnell và đại tá John Freund bị bắt để làm con tin. Trong giới lãnh đạo này, người ta phải kể đến ông George Tanham, cơ quan tình báo Mỹ; tướng Richard Depuy, tư lệnh của “Opération Switchback” trên Cao Nguyên; tướng William Westmoreland, tổng tư lệnh quân đội Mỹ tại Việt Nam; ông Maxwell Taylor, đại sứ Hoa Kỳ tại Sài Gòn; ông Dean Rusk, bộ trưởng Bộ Ngoại Giao và ông Robert MacNamara, bộ trưởng Bộ Quốc Phòng Hoa Kỳ.

Fulro là một tổ chức vũ trang có sự liên hệ trực tiếp với quân đội Mỹ và C.I.A, có một “lực lượng bí mật” nằm ngay trong tổ chức quân đội của Việt Nam Cộng Hòa thời đó, nhất là trong đơn vị “Bảo Vệ Sơn Thôn” do C.I.A. thành lập hay trong đơn vị “Lực lượng Đặc Biệt” do Lực Lượng Mũ Xanh của Mỹ huấn luyện, trang bị và bồi dưỡng.

Có hai nguyên nhân để giải thích cho sự ra đời của mặt trận Fulro, đó là chính sách sai lầm của Ngô Đình Diệm đối với đồng bào thiểu số ở miền trung Việt Nam và hậu thuẫn của chính quyền Cao Miên nhằm làm suy yếu mọi thế lực quân sự và chính trị của chế độ Sài Gòn thời đó. Không có hậu thuẫn của Cao Miên, mặt trận Fulro chỉ là một tổ chức “ảo” và có thể không bao giờ ra đời được.

Đứng trên bình diện lịch sử của biến cố, tác phẩm này đã trả lời được một số yếu tố chính trị vẫn còn mù mờ

của tổ chức Fulro và cũng đặt ra bao câu hỏi khúc mắc khác mà chưa ai nghĩ đến.

Câu hỏi thứ nhất, thế nào là mục tiêu thật sự của đại tá Lès Kosem, người Chăm Hồi Giáo Campuchia, là sáng lập viên của Fulro và cũng là người nắm toàn quyền của tổ chức, một nhân vật có kiến thức rất cao về chính trị và ngoại giao, có một ảnh hưởng lớn lao trong chính quyền Cao Miên thời đó.

Người ta cũng không biết nhiều về sự thật của Y Bham Enuôl, chủ tịch Mặt Trận Giải Phóng Cao Nguyên Champa và là đệ nhất phó chủ tịch Fulro, người gốc dân tộc Rađê đã từng sống trong lao tù của Ngô Đình Diệm từ 1957 đến 1964, một vị lãnh đạo trọng yếu trong cuộc kháng chiến của dân tộc Tây Nguyên.

Sau 11 năm hoạt động và từng gây bao sóng gió trên bàn cờ chính trị ở Đông Dương, tất cả thành viên trong hội đồng tối cao Fulro bị tiêu diệt bởi Khmer Đỏ vào ngày 20 tháng 4 năm 1975, tức là điểm mốc thời gian đánh dấu sự sụp đổ hoàn toàn của tổ chức mang tên là Mặt Trận Giải Phóng Cao Nguyên Champa-Fulro.

Mặc dù đã tan rã, Fulro còn tồn tại như một tổ chức với cái bóng mà chính quyền Hà Nội xem đó như một đối tượng thù địch nguy hiểm. Kể từ đó, danh xưng Fulro trở thành một công cụ để nhà cầm quyền kết tội và chụp mũ những người sắc tộc nào ở miền trung Việt Nam có hành động phản đối nhà nước, dù hành động đó chỉ là cuộc đấu tranh bất bạo động và hợp pháp nhằm yêu cầu nhà nước Việt Nam phải tôn trọng nhân phẩm và quyền tự do tín ngưỡng của họ. Cuộc biểu tình bất bạo động của dân tộc Tây Nguyên vào năm 2001 và 2004 kéo theo sự đàn áp khủng khiếp của chính quyền Hà Nội vì tội liên hệ với Fulro ở nước ngoài là một thí dụ điển hình.

Tác phẩm *Từ Mặt Trận Giải Phóng Dân Tộc Thượng đến phong trào FULRO* là một công trình nghiên cứu khoa

học không nhằm gây hận thù dân tộc, khơi dậy lòng ái quốc, khuyến khích ý đồ ly khai đòi tự trị hay độc lập, mà là làm sáng tỏ lại nguồn gốc đấu tranh của các sắc tộc ở miền trung Việt Nam mà thôi.

Dân tộc Tây Nguyên và Chăm là công dân chính thức của quốc gia Việt Nam, dù dưới chế độ cộng hòa hay cộng sản, đều có quyền và nghĩa vụ, cũng như dân tộc Việt đa số, đối với quốc gia này. Sự đấu tranh của họ chỉ là một biến cố trong tổng thể của tất cả biến cố đã xảy ra ở miền trung Việt Nam thời đó. Công nhận họ là công dân Việt Nam tức là công nhận sự đấu tranh của họ như một nội dung đã cấu thành yếu tố của lịch sử cận đại Việt Nam. Vì lịch sử Việt Nam không phải là lịch sử riêng tư dành cho dân tộc Việt mà là lịch sử chung của tất cả tộc người hiện đang có mặt trên lãnh thổ của hình chữ S này.



Nguyễn Văn Nghiêm

Quan điểm của trung tá Nguyễn Văn Nghiêm

Mở đầu phần hội thảo là bài thuyết trình mang tựa đề “Chính sách đối với đồng bào thiểu số dưới chế độ Việt Nam Cộng Hòa” của trung tá Nguyễn Văn Nghiêm, một cựu sĩ quan Việt Nam Cộng Hòa đã từng phục vụ nhiều năm trong Bộ Phát Triển Sắc Tộc, một nhân vật có vai trò quan trọng trong nhiều hồ sơ thương thuyết giữa tổ chức Fulro và chính quyền Sài Gòn thời đó và cũng là một nhà trí thức gốc dân tộc đa số, có tầm nhìn theo chiều sâu của biến cố đã đưa đẩy người sắc tộc phải vùng dậy đấu tranh đòi quyền sở hữu đất đai của họ, quyền được sống trong biên giới xã hội cổ truyền của họ và nhất là quyền bình đẳng của một người công dân Việt Nam mà hiến pháp đã qui định. Chúng tôi sẽ

đăng toàn vẹn bài thuyết trình này trong Harak Champaka sắp tới.

Nhân dịp này, trung tá Nguyễn Văn Nghiêm đã nêu ra thế nào là sự quan tâm của chính quyền Sài Gòn đối với sắc dân thiểu số dưới thời đệ nhị cộng hòa. Tiếc rằng sự quan tâm này chỉ là một nỗ lực ban đầu nằm trong chính sách tổng thể của nhà nước Việt Nam nhằm cứu vớt dân tộc thiểu số ra khỏi nạn nghèo đói và khốn cùng, đưa cộng đồng sắc tộc vượt ra khỏi không gian chậm tiến, xóa bỏ mọi sự bất công trong xã hội và nhất là đề cao nhân phẩm và danh dự của người dân bản địa đang sinh sống trên đất đai mà tổ tiên của họ đã để lại trong suốt chiều dài của lịch sử ở miền trung Việt Nam.

Là nhân chứng lịch sử trước những biến cố chính trị mà dân tộc thiểu số đã gánh chịu, trung tá Nguyễn Văn Nghiêm cảm thấy mình là người bất lực không tìm ra giải pháp để giải quyết những vấn đề quá to tát và trọng đại này để rồi ông ta xúc động nghẹn ngào không tìm ra lời nói để trình bày quan điểm của mình. Sự cảm xúc của trung tá Nguyễn Văn Nghiêm trên diễn đàn vào ngày 19-4-2008 không chứa đựng một ẩn ý thương hại cá nhân của ông ta đối với sắc dân thiểu số, mà là biểu tượng cho lòng ưu ái chân thật của một cựu sĩ quan Việt Nam xuất thân từ dân tộc đa số có một độ nhìn trung thực hơn về bối cảnh xã hội của một tập thể người dân bản địa có một nguồn gốc lịch sử riêng , một nền văn hóa, ngôn ngữ và chữ viết riêng, đang sinh sống trong một khu vực đất đai riêng mà nhà nước Việt Nam phải có nghĩa vụ tôn trọng và bảo tồn.

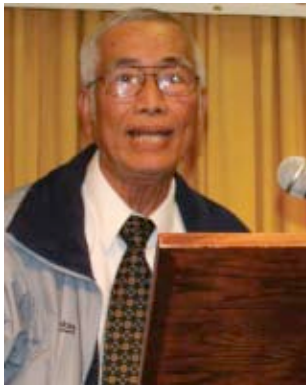
Thế nào là lễ công bằng trong một xã hội đa chủng tộc

Tiếp theo là bài thuyết trình của Đoàn Thanh Liêm, một nhà luật sư đã từng giữ nhiều chức vụ quan trọng trong cơ quan pháp lý dưới chế độ Việt Nam Cộng Hòa và cũng là một thành viên trong tổ chức đấu tranh nhân quyền tại Hoa Kỳ hôm nay.

Lễ ra mắt tác phẩm Fulro

Nhìn qua nhận định của Ls. Đoàn Thanh Liêm, người ta có thể tóm lược rằng “đi tìm lẽ công bằng cho người thiểu số” tại miền trung Việt Nam mà Đoàn Thanh Liêm đã đưa ra, không phải là công tác từ thiện của nhà nước Việt Nam đối với dân tộc này và cũng không phải là lòng thương hại của dân tộc lớn đối với dân tộc ít người, mà là một chính sách pháp lý cần được phát triển và tôn trọng tuyệt đối.

Nếu cho rằng Việt Nam là quốc gia đa chủng tộc và đa tôn giáo, thì mỗi dân tộc cấu thành công dân Việt nam,



Đoàn Thanh Liêm

dù họ là người Kinh hay sắc tộc thiểu số, đều có quyền hưởng những lẽ phải và công bằng ngang nhau trước pháp luật. Chính vì thế, hành trình “đi tìm lẽ công bằng” cho sắc tộc thiểu số đã trở thành một yêu sách hàng đầu mà nhà nước Việt Nam không thể bỏ qua được.

Ai cũng công nhận rằng chủ nhân xưa kia của giải đất chạy dài từ tỉnh Quảng Bình đến biên giới Biên Hòa là thuộc về dân tộc Champa. Trước đây Nam Tiến của dân tộc Việt sau thế kỷ thứ 10, vương quốc Champa phải nhường lại cho Đại Việt một lãnh thổ rộng lớn ở miền trung Việt Nam. Chính vì thế, mọi chế độ Việt Nam, dù là cộng hòa hay cộng sản đi nữa, không thể xem người sắc tộc Champa này như một tập thể “man rợ” mà là dân bản địa có một chiều dài lịch sử riêng, một nền văn hóa và thuần phong mỹ tục riêng, có nghĩa là phải dành cho họ một chính sách riêng nhằm đưa sắc dân thiểu số này theo kịp đà phát triển của xã hội công bằng, lẽ phải và tiến bộ. Chính đó mới là qui luật của lẽ công bằng trong một xã hội đa chủng tộc mà Ls. Đoàn Thanh Liêm đã nêu ra.

Tại sao phải viết lại lịch sử đấu tranh của Fulro

Sau cùng là bài thuyết trình của Pgs. Ts. Po Dharma về lịch sử FULRO, chữ viết tắt của *Front Unifié de Lutte des Races Opprimées* (Mặt trận Thống Nhất Đấu Tranh Dân Tộc Bị Áp Bức), tức là một tổ chức liên minh vũ trang có trụ sở đặt tại Nam Vang, Campuchia.

Theo Po Dharma, sự ra đời của Fulro vào năm 1964 đã trở thành một đề tài sôi động mà nhiều nhà nghiên cứu thường quan tâm. Tiếc rằng, những bài viết này chỉ tiêu biểu cho quan điểm riêng tư của chế độ Sài Gòn, quân đội Mỹ hay chính quyền cộng sản mà



Po Dharma

thôi. Chính vì lý do đó mà Pgs. Ts. Po Dharma (Viễn Đông Học Viện Pháp) phải viết lại lịch sử của cuộc đấu tranh này một cách trung thực và khách quan hơn. Trong phần thuyết trình này, Po Dharma đặt trọng tâm vào chủ đề nhằm phân tích những nguyên nhân đã đưa đẩy dân tộc thiểu số ở miền trung Việt Nam vùng dãy đấu tranh sau năm 1955.

Theo Po Dharma, sự hình thành của mặt trận Fulro vào năm 1964 có rất nhiều nguyên nhân của nó, phát sinh từ những cuộc tranh chấp hàng ngày giữa hai dân tộc có hai nền văn hóa và lịch sử hoàn toàn khác nhau. Nhưng nguyên nhân sâu xa nhất đã đưa cuộc tranh chấp này vào con đường bạo động đẫm máu kể từ năm 1955 vẫn là vấn đề “**qui chế dân tộc bản địa**” cấu thành một yếu tố pháp lý cơ bản mà sắc dân Tây Nguyên và Chăm ở đồng bằng miền trung Việt Nam xem đó như là quyền thiêng liêng bất khả xâm phạm.

Ai cũng biết, Tây Nguyên xưa kia thuộc về vương quốc Champa bị xóa bỏ trên bản đồ vào năm 1832. Cộng đồng Tây Nguyên là một tập thể dân tộc bản địa sống từng bộ lạc, có một hệ thống tổ chức gia đình và xã hội riêng. Vì

Lễ ra mắt tác phẩm Fulro

ý thức đến đặc thù của di sản văn hóa này, chính quyền Pháp thuộc ra lệnh ngăn cấm người Kinh lên định cư trên Tây Nguyên và biến khu vực này thành một đơn vị hành chính tự trị trực thuộc chính quyền Pháp ở Đông Dương, sau đó quốc trưởng Bảo Đại đổi thành Hoàng Triều Cương Thổ vào năm 1950.

Hoàng Triều Cương Thổ là lãnh thổ Tây Nguyên tự trị mà triều đình Huế dành cho dân tộc bản địa. Trong qui ước pháp lý này, chủ quyền lãnh thổ (**territorial sovereignty**) của Tây Nguyên thuộc về triều đình Huế, có nghĩa là không ai có quyền chia cắt đất đai này để nhường lại cho một quốc gia khác, mà không có sự chấp thuận của nhà nước Việt Nam. Ngược lại, chủ nhân đất đai (**landlord**)



của Tây Nguyên này thuộc về dân tộc bản địa miền núi. Chính vì thế, không ai có quyền xâm chiếm, bán nhượng, thuê mượn đất đai Tây Nguyên mà không có sự đồng ý của dân tộc bản địa này.

Vừa nắm được chính quyền vào năm 1955, Ngô Đình Diệm đơn phương xóa bỏ khế ước Hoàng Triều Cương Thổ, biến khu vực miền cao thành địa bàn di dân ồ ạt dành cho người Kinh di cư từ miền bắc. Đối với dân tộc Tây Nguyên và Chăm ở đồng bằng, xóa bỏ khế ước Hoàng Triều Cương Thổ chỉ là chính sách xâm lược đất đai của họ

Lễ ra mắt tác phẩm Fulro

và chôn vùi quyền cơ bản của dân tộc bản địa ở miền trung Việt Nam mà quốc trưởng Bảo Đại đã ban hành vào năm 1950. Đây cũng là điểm mốc thời gian đánh dấu ngày ra đời của bao phong trào đấu tranh, từ mặt trận Bajaraka vào năm 1955 đến lực lượng vũ trang Fulro vào năm 1964.

Theo Ts. Po Dharma, tất cả yêu sách mà dân tộc Tây Nguyên và Chăm đòi hỏi từ năm 1955, chỉ tập trung vào một điểm chủ yếu, đó là nhà nước Việt Nam phải công nhận “**qui chế dân tộc bản địa**”, tức là quyền làm chủ nhân trên khu vực đất đai mà tổ tiên của họ đã để lại.

Sau năm 1955, tất cả dân tộc Tây Nguyên và Chăm đều công nhận rằng họ là công dân Việt Nam, nhưng họ không phải là dân tộc thiểu số hay là dân tộc ít người (minority ethnic) mà chính quyền Việt Nam thường gán cho họ, mà là dân tộc bản địa (native, indigenous) được ghi trên nhiều trang sử liệu Việt Nam và ngay trong điều 7 của qui chế Hoàng Triều Cương Thổ. Đối với họ, dân tộc bản địa



tức là tập thể tộc người sinh ra trên đất đai mà tổ tiên của họ để lại từ ngày khai thiên lập địa, có một chiều dài của lịch sử, có phong tục tập quán, nguồn gốc văn hóa và chủng tộc riêng. Dựa vào những yếu tố trên, dân tộc Tây Nguyên và Chăm lúc nào cũng khẳng định rằng tất cả những người Kinh, Hoa, Nùng, Thái, v.v. hiện sinh sống ở giải đất miền trung hôm nay không phải là dân bản địa mà là cư dân từ bên ngoài sang định cư trên đất đai của họ. Cũng vì thời thế đổi thay theo chu kỳ của lịch sử, dân tộc định cư lại trở thành một cộng đồng đa số nắm mọi quyền lực trên lãnh thổ

Việt Nam, nhưng ít ra nhà nước Việt Nam cũng nên dành lại cho dân bản địa này một mảnh đất còn lại để họ được sống và phát triển trong biên giới cổ truyền của họ.

Công nhận sắc dân Tây Nguyên và Chăm là dân tộc bản địa tức là chấp nhận cho họ có một khu vực đất đai riêng mà chính họ là “**chủ nhân**” để quản lý, khai thác phù hợp với môi trường văn hóa truyền thống và tín ngưỡng của họ, nhưng “**chủ quyền của lãnh thổ**” này phải thuộc về nhà nước Việt Nam. Chủ nhân đất đai mà sắc dân Tây Nguyên và người Chăm đang đấu tranh và đòi hỏi không bao hàm cả một lãnh thổ lịch sử của vương quốc Champa chạy dài từ tỉnh Quảng Bình đến biên giới Biên Hòa, mà chỉ là khu vực nơi có sắc dân này cư ngụ mà biên giới đã được phân định rõ ràng dưới thời Pháp thuộc.

Sự khúc mắc về qui chế dân tộc bản địa, chủ quyền lãnh thổ và chủ nhân đất đai cũng là một đề tài tranh chấp thường xảy ra tại một số quốc gia trên thế giới, như ở Châu Phi, Châu Mỹ, Úc Đại Lợi, Gia Nã Đại, Hoa Kỳ, v.v. nơi có hơn 370 triệu dân tộc bản địa đang sinh sống. Qui chế dân tộc bản địa, chủ quyền lãnh thổ và chủ nhân đất đai cũng là chủ đề nóng bỏng đã từng diễn ra trên hội trường của Liên Hiệp Quốc kể từ 1987. Sau 20 năm thương thuyết gầy go, Liên Hiệp Quốc vừa mới ký kết Bản Tuyên Ngôn về Dân Tộc Bản Địa vào ngày 14 tháng 9 năm 2007 mà Việt Nam là quốc gia thành viên đã chấp nhận bản tuyên ngôn này.

Theo bản tuyên ngôn này, dân tộc bản địa là tập thể tộc người có quyền hưởng mọi qui chế về luật nhân quyền, mọi công bằng và lẽ phải trước pháp luật của quốc gia nơi có dân tộc này đang sinh sống (điều 1 và 2). Dân tộc bản địa có quyền chọn lựa một hệ thống tổ chức kinh tế, văn hóa và xã hội trên lãnh thổ đất đai nơi có sắc dân này sinh sống (điều 3). Dân tộc bản địa có quyền chọn lựa một qui chế tự trị nhằm quản lý những vấn đề nội bộ và địa phương trên lãnh thổ nơi có cộng đồng dân bản địa đang sinh sống (điều 4).

Mặc dù là thành viên của Bản Tuyên Ngôn về Dân Tộc Bản Địa, nhưng nhà nước Việt Nam hôm nay vẫn chưa công nhận có một tập thể dân tộc bản địa ở miền trung Việt Nam. Sự xóa bỏ qui chế dân tộc bản địa mà quốc trưởng Bảo Đại ban hành vào năm 1955 đã đưa dân tộc thiểu số ở miền trung thành đối tượng thù địch của nhà nước Việt Nam, cấu thành điểm mấu chốt của bao sự xung đột gần một nửa thế kỷ qua. Sự ra đời của mặt trận Bajaraka vào năm 1955 dưới chế độ Ngô Đình Diệm, của phong trào Fulro vào năm 1964 dưới chế độ Nguyễn Khánh và sự vùng dậy của dân tộc Tây Nguyên vào năm 2001, 2004, tháng 4 năm 2008 dưới chế độ Xã Hội Chủ Nghĩa chỉ là kết quả của sự khác biệt về quan điểm thế nào là dân tộc thiểu số và thế nào là dân tộc bản địa.

Hy vọng rằng, chính quyền Hà Nội hôm nay sẽ trao trả lại cho dân tộc Tây Nguyên và Chăm “**qui chế dân tộc bản địa**” đã qui định trong khế ước của Hoàng Triều Cương Thổ, phù hợp với nội dung của bản tuyên ngôn Liên Hiệp Quốc về Dân Tộc Bản Địa ký vào ngày 14 tháng 9 năm 2007, hầu giúp những sắc tộc thiểu số này xây dựng lại di sản kinh tế và văn hóa truyền thống của họ đã lưu truyền từ thế hệ này qua thế hệ khác. Nếu không, dân tộc Tây Nguyên và Chăm sẽ bị diệt vong trong thế kỷ thứ 21 này qua các chính sách dùng quyền lực để xâm chiếm đất đai của họ, dùng uy thế của nhà nước để đưa hàng triệu cư dân Việt vào địa bàn của dân bản địa nhằm khai phá núi rừng thành khu kinh tế mới, nông trường và lâm trường mới để rồi dân tộc Tây Nguyên và Chăm hôm nay không tìm ra mảnh đất để canh tác, trồng trọt và chăn nuôi, lâm vào cảnh nghèo đói bần cùng, quay cuồng trong không gian xã hội hoàn toàn đổ nát từ đặc trưng tộc người, thành tố văn hóa đến hình thức tư duy và đời sống tâm linh.

Lễ ra mắt tác phẩm Fulro